

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 5109/ĐNoPC-AT ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Công ty Điện lực Đắk Nông về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 238/TTr-STNMT ngày 06 tháng 10 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Điện lực Đắk Nông, địa chỉ: Tổ 3, đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án các trạm biến áp và tuyến đường dây trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại các trạm biến áp, tuyến đường dây trên địa bàn các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa, với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Các trạm biến áp và tuyến đường dây trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

1.2. Địa điểm hoạt động trên địa bàn các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 0400101394-023 đăng ký lần đầu ngày 30/3/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 04/02/2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

1.4. Mã số thuế: 0400101394-023.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Truyền tải và phân phối điện năng.

1.6. Quy mô, diện tích của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án nhóm B (phân theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích của dự án là: 45.362 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Điện lực Đắk Nông.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Phân loại, quản lý, lưu trữ chất thải đúng quy định; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình quản lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô và thành phố Gia Nghĩa tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, CT, XD;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô; thành phố Gia Nghĩa;
- Công ty Điện lực Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(Ha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

**Phụ lục 1**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND*  
*ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)/năm	Ký hiệu phân loại
<b>I</b>	<b>Phòng Kế hoạch – Vật tư</b>		<b>7.770</b>	
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	24	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	24	NH
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	25	NH
4	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	6.209	NH
5	Thiết bị thải có chứa amiăng	19 02 04	40	KS
6	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	1.200	NH
7	Ắc quy chì thải	19 06 01	200	NH
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	24	KS
9	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	19 02 08	24	KS
<b>II</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Cư Jút</b>		<b>24</b>	
1	Ắc quy chì thải	19 06 01	5	NH
2	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	1	KS

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)/năm	Ký hiệu phân loại
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	10	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	1	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	0,5	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	0,5	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5	KS
<b>III</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Đắc Mil</b>		<b>11,5</b>	
1	Ăc quy chì thải	19 06 01	1	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	1	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	2	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	1	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1,5	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2	KS

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)/năm	Ký hiệu phân loại
<b>IV</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Đắc Song</b>		<b>12</b>	
1	Ăc quy chì thải	19 06 01	1	NH
2	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	2	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	1	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	1	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	2	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2	KS
<b>V</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Đắc Nông</b>		<b>14</b>	
1	Ăc quy chì thải	19 06 01	1	NH
2	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	2	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	2	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	1	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	2	KS

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)/năm	Ký hiệu phân loại
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2	KS
<b>VI</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Đắc R'láp</b>		<b>10</b>	
1	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,5	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	1	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	3	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	0,5	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1	KS
<b>VII</b>	<b>Phân xưởng đường dây Đắc Nông</b>		<b>13</b>	
1	Ắc quy chì thải	19 06 01	1	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	0,5	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	5	NH

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)/năm	Ký hiệu phân loại
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,5	NH
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	3	KS
7	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	2	NH
<b>VIII</b>	<b>Phân xưởng đường dây Đắc Mil</b>		<b>6</b>	
1	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,5	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	0,5	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	2	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	0,5	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	1	KS
7	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	0,5	NH
<b>IX</b>	<b>Văn phòng làm việc của Đội Quản lý vận hành lưới điện cao thế Đắc Nông</b>		<b>5</b>	
1	Ắc quy chì thải	19 06 01	0,5	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	0,5	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	1	NH

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	0,5	KS
7	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	0,5	NH
<b>X</b>	<b>Trạm biến áp 110kV Đắc R'lấp 2</b>		<b>10</b>	
1	Ấc quy chì thải	19 06 01	0,5	NH
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	1	KS
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	16 01 13	3	NH
4	Thiết bị điện thải có amiăng	19 02 04	0,5	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1	NH
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	1	KS
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1	KS
	<b>Tổng số</b>		<b>7.875,5</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bakelit, nắp chụp, găng tay ủng cách điện, sào, cao su thải, bàn ghế gỗ	08 02 08	13.860



### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Rác thải sinh hoạt	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	133,680

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày được lưu chứa trong các thùng phuy nhựa 200 lít có dán nhãn, chuyển về kho lưu trữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 1: **Công ty Điện lực Đắk Nông**  
 + Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

+ Diện tích: 20 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 2: **Điện lực Gia Nghĩa.**

+ Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa.

+ Diện tích: 15 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 3: **Điện lực Đắk R'lấp.**

+ Địa chỉ: Tại Quốc lộ 14, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp.

+ Diện tích: 16 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 4: **Điện lực Tuy Đức.**

+ Địa chỉ: Thôn 2, xã Đắk Buk Sor, huyện Tuy Đức.

+ Diện tích: 15 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 5: **Điện lực Đắk Song**

+ Địa chỉ: Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song.

+ Diện tích: 17 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 6: **Điện lực Đắk Mil.**

+ Địa chỉ: Thôn Đức Tân, Xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil.

+ Diện tích: 16 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 7: **Điện lực Cư Jút.**

+ Địa chỉ: Số 157, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút.

+ Diện tích: 16 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 8: **Điện lực Krông Nô.**

+ Địa chỉ: Tại Khối 2, Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô.

+ Diện tích: 15 m<sup>2</sup>.

+ Tên trạm trung chuyển chất thải nguy hại số 9: **Đội Quản lý vận hành lưới điện cao thế Đắk Nông.**

+ Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa.

+ Diện tích: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho cấp 4, tường bao xây gạch, sàn xi măng chống thấm, có mái che, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, mái tôn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Thiết bị lưu chứa: Đã bố trí thùng phuy thu gom rác, có nắp đậy.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

**Phụ lục 2****YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **15** /GPMT-UBND  
ngày **14** tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**I. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

**II. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**III. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại:

Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trạm biến áp 110kV Đắk Song và nhánh rẽ tại thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông của Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Trung.

Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết các trạm biến áp và đường dây 110kV tỉnh Đắk Nông của Công ty lưới điện cao thế Miền Trung (nay là Công ty Điện lực Đắk Nông).

Quyết định số 2524/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trạm biến áp 110kV Krông Nô và nhánh rẽ của Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Trung.

Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trạm biến áp 110kV Đắk R'lấp 2 và đầu nối tại xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông của Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Trung.

**IV. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 1, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh tại Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

---